

TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN CÁC LỚP CHẤT LƯỢNG CAO THUỘC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Nguyễn Hồi Loan

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

1. Đặt vấn đề

Đại học Quốc gia Hà Nội đang thực hiện dự án thí điểm về đào tạo ở hệ cử nhân tài năng và cử nhân chất lượng cao nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực cho công cuộc CNH và HĐH đất nước. Việc tuyển chọn sinh viên vào học ở các hệ này còn nhiều bất cập. Vấn đề đặt ra là, *chúng ta đã lựa chọn được những sinh viên tốt nhất trong số các sinh viên năm thứ nhất vừa khẳng định được trình độ, năng lực của mình qua một kỳ thi tuyển sinh đại học hết sức khó khăn? Những sinh viên này sẽ có khả năng thành công trong xã hội sau khi tốt nghiệp với nghề đã được đào tạo? Thực tế cho thấy rằng, không đơn thuần chỉ là chỉ số thông minh (IQ), mà để đảm bảo sự thành công này thì sinh viên đó cần phải có một chỉ số trí tuệ cảm xúc cao.* Xuất phát từ ý tưởng trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu hiện trạng vấn đề trí tuệ cảm xúc (EQ) của sinh viên hiện đang học tại các lớp chất lượng cao, nhằm phát hiện vấn đề và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo của hệ đào tạo này.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Điều tra 404 sinh viên của Trường ĐH KHXH&NV và Trường ĐH KHTN thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong đó có: 294 sinh viên hệ chất lượng cao (CLC), cử nhân tài năng (CNTN) của các khoa: Toán-Cơ-Tin học, Văn học, Lịch sử, Ngôn ngữ, Triết, Khoa học quản lý. (Có 6 phiếu bị loại trong tổng số 300 phiếu trắc nghiệm). 110 sinh viên hệ chuẩn chính quy của các khoa: Toán-Cơ-Tin học, Tâm lý học, Văn học để đối chứng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài này sử dụng trắc nghiệm MSCEIT của John Mayer, Peter Salovey và David Caruso để khảo sát thực trạng trí tuệ cảm xúc của sinh viên. Trắc nghiệm MSCEIT đã được Việt hoá, gồm 141 item, nghiệm thể làm trong khoảng 50-55 phút, làm với cá nhân hoặc nhóm đều được. MSCEIT được thiết kế dựa trên mô hình trí tuệ cảm xúc kiểu thuận năng lực: năng lực nhận biết và bày tỏ cảm xúc, hoà cảm xúc vào suy nghĩ để hiểu, suy luận về cảm xúc và để điều khiển, kiểm soát cảm xúc của mình và của người khác.

Cấu trúc của trắc nghiệm này gồm tám phần sau:

A: *Nhận biết cảm xúc qua các khuôn mặt*: có 4 tình huống, đòi hỏi phải quan sát kỹ một bức tranh và xét đoán khuôn mặt này qua 5 loại cảm xúc đã cho theo thang bậc từ 1 đến 5.

E: *Nhận biết cảm xúc biểu lộ qua các bức tranh*: có 6 tình huống, mỗi tình huống đòi hỏi phải quan sát kỹ một bức ảnh và nhận xét 5 loại cảm xúc đã cho biểu hiện như thế nào khi xem từng bức tranh theo thang bậc từ 1 đến 5.

B: *Nuôi dưỡng các cảm xúc tích cực*: có 5 tình huống, mỗi tình huống đòi hỏi phải xem xét 3 loại cảm xúc đã cho có ích ở mức độ nào theo thang bậc từ 1 (không có ích) đến 5 (rất có ích).

F: *Xét đoán sự tiến triển các cảm xúc*: có 5 tình huống, mỗi tình huống đòi hỏi phải hình dung các cảm xúc, tình cảm ở đó giống như thế nào với 3 loại cảm xúc đã cho theo thang bậc từ 1 (không giống) đến 5 (rất giống).

C: *Hiểu những thay đổi về cảm xúc*: có 12 tình huống, mỗi tình huống đòi hỏi phải đọc kỹ để hiểu các loại cảm xúc xuất hiện và phát triển như thế nào. Sau đó chọn 1 trong 5 phương án trả lời cho trước như là phương án trả lời tốt nhất cho mỗi tình huống.

G: *Hiểu sự biến đổi, hoà trộn các loại cảm xúc phức hợp*: có 12 tình huống, mỗi tình huống đòi hỏi phải hiểu sự xuất hiện, hoà trộn và phát triển các loại cảm xúc phức hợp diễn biến như thế nào. Sau đó chọn 1 trong 5 phương án trả lời cho trước như là phương án phù hợp nhất cho mỗi tình huống.

D: *Quản lý các cảm xúc của bản thân*: có 5 tình huống, mỗi tình huống có 4 phương án hành động. Mỗi hành động ở từng tình huống chọn 1 trong 5 mức độ được cho là phù hợp nhất, theo thang bậc từ 1 (rất kém hiệu quả) đến 5 (rất hiệu quả).

H: *Quản lý cảm xúc trong quan hệ với người khác*: có 3 tình huống là những vấn đề trong các quan hệ liên cá nhân, mỗi tình huống đưa ra 3 phương

án để giải quyết. Mỗi phương án ở từng tình huống chọn 1 trong 5 mức độ được cho là phù hợp nhất, theo thang bậc từ 1 (rất kém hiệu quả) đến 5 (rất hiệu quả).

Các phần trên (A, E, B, F, C, G, D, H) được sắp xếp vào 4 thành tố hay 4 tiểu thang đo:

+ *Nhận biết cảm xúc*: gồm có A và E, năng lực nhận biết cảm xúc qua các khuôn mặt, bức tranh.

+ *Cảm xúc hoá ý nghĩ*: gồm có B và F, năng lực sử dụng cảm xúc trong việc suy luận và giải quyết vấn đề.

+ *Hiểu biết cảm xúc*: gồm có C và G, liên quan đến việc giải quyết xử lý những vấn đề của cảm xúc, như biết những loại cảm xúc nào là tương tự, là đối nghịch và quan hệ giữa chúng.

+ *Điều khiển, quản lý cảm xúc*: gồm có D và H, liên quan đến việc áp dụng các quy luật cảm xúc để hiểu bản thân và hiểu người khác.

Bốn thành tố trên của MSCEIT lại được quy về 2 khu vực đo lường hay 2 thang đo:

+ *Trí tuệ trải nghiệm cảm xúc*: gồm có A, E, B, F.

+ *Trí tuệ chiến lược cảm xúc*: gồm có C, G, D, H.

Kết hợp hai thang đo trên thành thang đo tổng MSCEIT. Cách tính điểm của trắc nghiệm là theo nguyên tắc đồng ý, tức là điểm của từng item bằng số người chọn mức đó. Ví dụ, nhóm sinh viên có 100 người làm trắc nghiệm, có 68/100 chọn phương án A thì điểm số của người chọn phương án A là 0,68 điểm.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Trí tuệ cảm xúc của sinh viên các lớp CLC của Trường Đại học KHXH&NV và hệ CNTN của Trường ĐH KHTN

**Điểm trung bình của sinh viên qua 4 tiểu thang đo của trắc nghiệm MSCEIT (Nhận biết cảm xúc; Cảm xúc hoá ý nghĩ; Hiểu biết cảm xúc; Điều khiển, quản lý cảm xúc)*

Qua xử lý số liệu theo 4 thang đo trên, chúng tôi thu được kết quả điểm trung bình qua các tiểu thang đo của trắc nghiệm ở sinh viên là khách thể nghiên cứu.

Bảng 1: Điểm trung bình của sinh viên hệ CLC Trường ĐHKHXH&NV và hệ CNTN của Trường ĐHKHTN qua các tiểu thang đo

Các tiểu thang đo	Điểm trung bình	N	Độ lệch chuẩn trung bình
Nhận biết cảm xúc	20,36	294	5,63
Cảm xúc hoá ý nghĩ	17,93	294	6,26
Hiểu biết cảm xúc	16,09	294	3,66
Quản lý cảm xúc	11,03	294	3,57

Bảng 2: Điểm trung bình của sinh viên hệ chuẩn chính quy Trường ĐHKHXH&NV và Trường ĐHKHTN qua các tiểu thang đo

Các tiểu thang đo	Điểm trung bình	N	Độ lệch chuẩn trung bình
Nhận biết cảm xúc	18.06	110	4.26
Cảm xúc hoá ý nghĩ	15.10	110	2.32
Hiểu biết cảm xúc	14.77	110	3.37
Quản lý cảm xúc	10.61	110	2.26

Ở cả hai loại khách thể đều có chỉ số cao về nhận biết cảm xúc và thứ bậc các tiểu thang đo về EQ đều giống nhau, tuy nhiên, điểm trung bình chung của các tiểu thang đo ở sinh viên hệ CLC và CNTN đạt mức cao hơn sinh viên hệ chuẩn.

Nhận biết cảm xúc là sự nhận biết được cảm xúc của mình, của người khác và ảnh hưởng của chúng như thế nào đến thành tích công việc. Điều đó có nghĩa rằng, cá nhân biết được cảm xúc xuất hiện và nguyên nhân của nó, nhận ra câu nối giữa tình cảm của họ và những suy nghĩ của họ, giữa lời nói và việc làm...

Thang đo thứ hai liên quan đến khả năng cảm xúc hoá ý nghĩ của sinh viên - đạt 17,93 điểm, một mức độ trung bình - thể hiện ở việc xúc cảm hỗ trợ tư duy, hành động một cách có hiệu quả và các xúc cảm giúp đỡ cho óc phán đoán, trí nhớ. Có thể nói rằng, thành tố này của EQ được xem như khả năng quản lý tốt các trạng thái cảm xúc bên trong của bản thân, giúp cho cá nhân chịu trách nhiệm về các hành vi của mình, linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề, nhất là các vấn đề nảy sinh trong điều kiện hoàn cảnh thay đổi, đó cũng chính là sự kết hợp yếu tố ý thức, lý trí chi phối cảm xúc của con người. Từ đó, giúp cho cá nhân có hứng thú, say mê với những sáng kiến cũng như tiếp cận những thông tin mới.

Đồng thời, với mức độ đạt trung bình ở thang đo thứ hai thì ở thang đo thứ ba (hiểu biết cảm xúc) của EQ ở sinh viên cũng chỉ đạt mức điểm tương tự - 16,09 điểm. Thành phần này liên quan đến khả năng hiểu, thấu hiểu, thông cảm, đồng cảm, tôn trọng, thúc đẩy và truyền cảm xúc để khích lệ và an ủi người khác. Tất nhiên khả năng này được bộc lộ ở chỗ cá nhân hiểu được xúc cảm, tình cảm của bản thân, nhưng ở đây nhấn mạnh cá nhân hiểu xúc cảm và tình cảm của người khác, để tâm đến những mối quan tâm của họ, hiểu được nhu cầu muốn được phát triển của người khác và nâng đỡ các khả năng phát triển đó của họ.

Thành phần thứ tư trong thang đo EQ có kết quả thấp nhất - 11,03 điểm. Thành phần này liên quan đến khả năng quản lý cảm xúc của bản thân được thể hiện ở khả năng đưa ra những quyết định thông minh do bản thân xử lý cân bằng giữa lý trí và cảm xúc, không nghiêng về bên nào. Đồng thời còn là khả năng điều khiển và chịu trách nhiệm về cảm xúc của bản thân, đặc biệt là chịu trách nhiệm về động cơ thúc đẩy nội tại của các hành vi ứng xử trong cuộc sống. Peter Salovey và John Mayer khẳng định rằng, trí tuệ cảm xúc là sự kết hợp của những thuộc tính nhạy bén về cảm xúc với những thuộc tính kỹ năng quản lý cảm xúc có được nhờ con người tự tạo bằng việc học hỏi, luyện tập, giúp con người thành đạt và có cuộc sống hạnh phúc. Mỗi người đều có khả năng tự nâng cao trí tuệ cảm xúc của mình bằng cách luyện tập trong hoạt động sống hàng ngày. Như đã phân tích ở phần trên, cơ hội để các em được học hỏi, luyện tập trong các hoàn cảnh đa dạng của cuộc sống xã hội là rất hạn hẹp, do đó các em rất lúng túng khi gặp các tình huống ngoài hoạt động học tập mà ở đó đòi hỏi các em phải có hành vi ứng xử phù hợp. Cũng theo hướng quan điểm của nhóm tác giả trên, Daniel Goleman cũng cho rằng, thực chất quản lý cảm xúc là bao hàm các kỹ năng xã hội, mà ở đó những kỹ năng sau luôn được đề cao: biết lắng nghe một cách cởi mở, biết chia sẻ, đồng cảm, biết khuyến khích động viên người khác, biết hợp tác làm việc với những người khác nhau xuất phát từ các nền văn hoá khác nhau để cùng chia sẻ lợi ích. Những kỹ năng sống hiện nay của sinh viên hầu như không được giáo dục một cách hệ thống, bài bản, mà chủ yếu do tự phát và trải nghiệm của cá nhân mà có. Đây sẽ là một trở ngại rất lớn khi sinh viên tốt nghiệp ra trường, họ sẽ rất khó khăn trong hoà nhập và thích ứng với môi trường làm việc mới.

3.2. Điểm trung bình của sinh viên hệ CLC và CNTN của hai Trường ĐH KHXH&NV và Trường ĐH KHTN qua hai thang đo trí tuệ trải nghiệm cảm xúc, trí tuệ chiến lược cảm xúc

Khi quy điểm chuẩn của các tiểu thang đo về hai thang đo như trên, chúng tôi đã thu được kết quả như sau:

Bảng 3: Điểm trung bình của sinh viên hệ CLC, CNTN Trường ĐHKHXH&NV và Trường ĐH KHTN qua hai thang đo

Các thang đo	Điểm trung bình	N	Độ lệch chuẩn trung bình
1. Trí tuệ trải nghiệm cảm xúc	38,29	294	11,63
2. Trí tuệ chiến lược cảm xúc	27,13	294	6,97

Bảng 4: Điểm trung bình của sinh viên hệ chuẩn chính quy Trường ĐH KHXH&NV và ĐH KHTN qua hai thang đo

Các thang đo	Điểm trung bình	N	Độ lệch chuẩn trung bình
1. Trí tuệ trải nghiệm cảm xúc	33,17	110	5,89
2. Trí tuệ chiến lược cảm xúc	25,38	110	5,41

Từ kết quả thu được qua trắc nghiệm MSCEIT được tổng hợp trên 2 bảng số liệu (bảng 3 và 4), chúng tôi thấy rằng, trí tuệ trải nghiệm cảm xúc của sinh viên phát triển tốt hơn trí tuệ chiến lược cảm xúc.

Thành phần trí tuệ trải nghiệm cảm xúc chủ yếu hướng vào bản thân, nhận biết những cảm xúc đang diễn ra ở bản thân, xét đoán những cảm xúc của người khác thông qua các hành vi cử chỉ của họ, nhận thức được nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó cũng như nhận ra các cảm xúc của người khác trong các mối quan hệ và nhận ra sự thay đổi cũng như hướng phát triển các cảm xúc của bản thân và người khác. Như đã phân tích ở phần trên, các mối quan hệ của sinh viên chủ yếu diễn ra trong khuôn khổ của nhà trường, đó là các quan hệ bạn bè cùng lớp được diễn ra trong hoạt động học tập. Các em thường ngày tiếp xúc với nhau, trao đổi, tâm sự chuyện trò trong các mối quan hệ bạn bè thân quen đó, các em hiểu về nhau, nhất là các sinh viên năm cuối, đồng thời các em là những người có trình độ nhận thức cao. Từ đó nhận ra và hiểu được các mức độ khác nhau về cảm xúc của mình, của bạn cũng như các nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó là không khó trong một bình diện môi trường sống mà ở đó sự khác biệt giữa các cá nhân không nhiều. Do vậy, phần trí tuệ cảm xúc đạt điểm trung bình cao.

Ngược lại, phần trí tuệ kiểm soát cảm xúc lại chủ yếu hướng ra ngoài, hướng đến người khác. Thành phần này được cấu thành trên khả năng kiểm soát các cảm xúc của bản thân được bộc lộ trong các quan hệ với người khác, trong công việc, trong sự hợp tác, nó luôn đòi hỏi cá nhân có sự điều chỉnh,

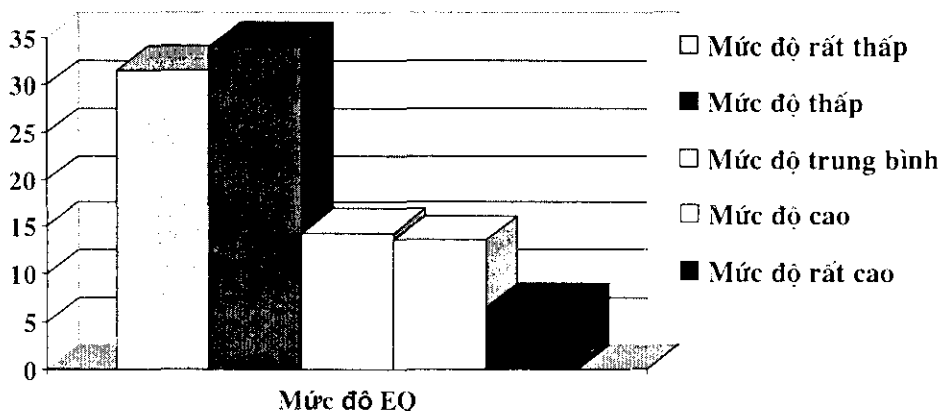
điều chế cảm xúc của mình. Đây có thể là một điểm yếu của sinh viên sống trong môi trường ít thay đổi, các mối quan hệ giữa các cá nhân lại được dựa trên cơ sở quen biết và hiểu rõ về nhau mà ở đó không có sự cạnh tranh cao, tính lệ thuộc vào nhau không mang tính gay gắt và điển hình, sự va chạm với các tình huống phức tạp ngoài xã hội rất ít, kinh nghiệm xã hội nghèo nàn. Trong môi trường đó, các em ít khi chú ý việc kiểm soát cảm xúc của mình trong các mối quan hệ với bạn bè. Do vậy, khi gặp các tình huống lạ, phức tạp, không quen biết như các tình huống ngoài xã hội thì các em thường lúng túng trong xử lý và không đạt hiệu quả cao, nên điểm trung bình của trí tuệ kiểm soát cảm xúc đạt mức thấp (27,13).

3.3. Thống kê phân loại trí tuệ cảm xúc của khách thể nghiên cứu

Bảng 5: Phân loại trí tuệ cảm xúc của khách thể nghiên cứu

Mức độ của EQ	N	%
Rất thấp (nhỏ hơn 70)	93	31,6
Thấp (từ 70 đến 89)	100	34,0
Trung bình (từ 90 đến 109)	42	14,3
Cao (từ 110 đến 119)	40	13,6
Rất cao (lớn hơn hoặc bằng 120)	19	6,5
Tổng số	294	100 %

Biểu đồ: Phân loại chỉ số EQ của sinh viên lớp CLC và hệ CNTN



Kết quả trên cho thấy, nhìn chung số sinh viên trong diện điều tra của hệ CLC và CNTN của hai Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trường ĐH Khoa học Tự nhiên có chỉ số EQ không cao. Cụ thể, có 65,6% sinh viên có chỉ số thấp và rất thấp, 14,3% đạt mức trung bình và có 20,1% đạt mức cao và rất cao. Những con số trên phản ánh một hiện trạng mất cân bằng trong sự phát triển nhân cách ở các em, đặc biệt, đây lại là các sinh viên đã trải qua kỳ thi tuyển chọn từ hệ đào tạo chuẩn chính quy vào học hệ CLC và CNTN. Các em có trình độ, tri thức, hiểu biết sâu về lĩnh vực chuyên ngành mà các em đang học nhưng *khả năng hiểu rõ cảm xúc của bản thân, thấu hiểu cảm xúc của người khác, phân biệt và đánh giá, điều khiển định hướng các loại cảm xúc khi suy nghĩ và hành động của mình lại thấp.*

4. Kiến nghị

1. Đại học Quốc gia Hà Nội, nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công cuộc CNH và HĐH đất nước cần phải tiến hành song song và đồng thời với quá trình đào tạo năng lực, kỹ năng, tri thức nghề nghiệp... thì phải coi trí tuệ cảm xúc của sinh viên là năng lực cần phải được giáo dục, hình thành và phát triển.

2. Mức độ trí tuệ cảm xúc của sinh viên hệ CLC, CNTN nói riêng và sinh viên của Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung là rất thấp. Điều này phản ánh một hiện trạng mất cân đối trong sự phát triển nhân cách của sinh viên hiện nay. Đại học Quốc gia Hà Nội cần phải có các chương trình, nội dung hoạt động giáo dục lối sống, đạo đức cho sinh viên thông qua các môn học được giáo viên giảng dạy trên lớp, thông qua các đợt thực tế, thực tập tại địa phương để sinh viên có điều kiện tiếp xúc các tình huống, các hoàn cảnh của người dân lao động và họ có được những hiểu biết và kinh nghiệm trong ứng xử xã hội, hoàn thiện bản thân.

3. Nhà trường cần phải tăng cường mở các lớp đào tạo ngắn hạn, thường xuyên cho sinh viên về kỹ năng sống.

4. Đối với sinh viên, cần phải ý thức rõ ràng rằng, quá trình xã hội hoá cá nhân, xây dựng, thiết lập, vận hành các mối quan hệ xã hội cũng như sự thành công nghề nghiệp trong cuộc sống không chỉ phụ thuộc và năng lực nghề nghiệp, mà còn phụ thuộc vào trình độ trí tuệ cảm xúc của bản thân. Bởi vậy, sinh viên cần phải thường xuyên rèn luyện để nâng cao EQ của mình trong các tình huống và hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống xã hội.